

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-PT

Ngày: 30 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hường – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Đinh Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo Quế và D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2023/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Thị Q, sinh năm 1978; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp trước khi bị bắt: Nhân viên hợp đồng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng thuộc Đảng bộ bộ phận Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nam Định, Đảng bộ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh. Ngày 13/6/2023, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các cơ quan và D nghiệp tỉnh Nam Định đã ra Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Trần Thị Q; con ông Trần Quang T (đã chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Trần Ngọc D, sinh năm 1987; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm 2, xã P, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ Địa chính, nông nghiệp, xây dựng và Môi trường làm công tác địa chính, môi trường xã Phúc Thắng; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ 2 Đảng bộ xã Phúc Thắng thuộc Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 76-QĐ/UBKTHU ngày 18/10/2023 của Ủy Ban kiểm tra Huyện Ủy Nghĩa Hưng; con ông Trần Công U, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1959; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; vợ Nguyễn Thu H, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Trần Ngọc D được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

** Ngoài ra còn có bị cáo Vũ Văn N không có kháng cáo, không bị kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị Q là nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng, được phân công nhiệm vụ: Tổ trưởng bộ phận hành chính, theo dõi công tác kế toán, hỗ trợ thẩm định, trả hồ sơ, viết giấy chứng nhận và thực hiện các công việc khác thuộc bộ phận hành chính theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Thực hiện nhiệm vụ được giao, tháng 6 năm 2021 Trần Thị Q đã nhận của Vũ Văn N là cán bộ địa chính xã Nghĩa Phú số tiền 15.000.000 đồng để giúp “làm nhanh” giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn D ở xóm 13, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng. Đến tháng 6 năm 2022, Trần Thị Q tiếp tục nhận của Trần Ngọc D là cán bộ địa chính xã Phúc Thắng số tiền 42.000.000 đồng để giúp “làm nhanh” 12 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Cụ thể như sau:

Năm 2020, ông Trần Văn D có nhu cầu tách thửa đất diện tích 977m² đứng tên ông D tại xóm 13, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng làm bốn thửa: Một thửa cho vợ chồng ông D, ba thửa còn lại tặng cho ba người con. Ông Nguyễn Văn Rinh ở xóm 13, xã Nghĩa Phú (là con rể ông D) đã nộp đơn xin tách thửa, tặng cho, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng. Theo căn cước công dân thì ông D tên là Trần Văn D nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên Trần Xuân D. Ông Rinh đã liên hệ nhiều lần với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai nhưng không làm

được thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng tháng 6/2021, ông Rinh đến gặp Vũ Văn N để nhờ nộp các khoản phí, lệ phí để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhiên đồng ý và sử dụng điện thoại, số thuê bao 0977.683.380 đăng ký tài khoản Zalo nhắn tin cho Trần Thị Q để nhờ “làm nhanh” giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn D và thỏa thuận số tiền là 15.000.000 đồng; Quế đồng ý. Sau khi được Nhiên thông báo, ông Rinh đã đưa 15.000.000 đồng cho Nhiên tại phòng làm việc tại UBND xã Nghĩa Phú, sau đó Nhiên đưa cho Quế tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng. Sau khi nhận được tiền, Quế đã hoàn thiện hồ sơ và ưu tiên in bìa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và môi trường ký, trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và các con. Số tiền 15.000.000 đồng nhận từ Nhiên, Quế đã nộp vào ngân sách Nhà nước 2.685.700 đồng, gồm: 124.000 đồng tiền lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (04 giấy x 31.000 đồng/giấy); 2.141.700 đồng tiền phí đo đạc tách thửa; 420.000 đồng tiền phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (03 hồ sơ x 140.000 đồng/hồ sơ). Số tiền còn lại 12.314.300 đồng Quế hưởng lợi bất chính và đã chi tiêu cá nhân hết.

Tháng 5/2022, Trần Ngọc D đã nhận 54.000.000 đồng của 05 hộ dân để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: Nhận của anh Bùi Ngọc Đại ở Thôn 11, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông số tiền 12.000.0000 đồng để làm thủ tục tách thửa, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Đại, diện tích 333m² ở xóm 6, xã Phúc Thắng cho anh Đỗ Văn Phú và anh Bùi Văn Đế đều ở xóm 6, xã Phúc Thắng; nhận của anh Vũ Văn H ở đội 10, xã Nghĩa Hùng số tiền 10.000.000 đồng để làm thủ tục tách, tặng cho và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 372,5m² của ông Bùi Văn H ở xóm 4, xã Phúc Thắng cho anh Vũ Văn H; nhận của anh Vũ Hải M ở đội 2, xã Nghĩa Hồng số tiền 15.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 132,1m² của anh Nguyễn Minh Đ ở đội 10, xã Nghĩa Phong cho anh Vũ Hải M; nhận của anh Phạm Văn L ở xóm 6, xã Phúc Thắng số tiền 12.000.000 đồng để làm thủ tục tách, tặng cho và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 711m² của ông Phạm Văn Quang ở xóm 6, xã Phúc Thắng cho anh Phạm Văn L; nhận của anh Lê Văn Hòa ở xóm 4, xã Nam Điền số tiền 5.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 100m² ở tổ dân phố 1, thị trấn Rạng Đông của anh Tô Khanh ở phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cho anh Lê Văn Hòa. Ngoài ra, Trần Ngọc D còn chung với anh Bùi Thanh T ở tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội thửa đất diện tích 580m² ở xóm 16, xã

Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng tách làm bốn thửa chuyển nhượng cho anh Đoàn Yên Bằng ở khu đô thị Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội 02 thửa; Trần Công Minh ở xóm 9, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng 01 thửa; thửa còn lại cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tùng. Sau khi làm xong các thủ tục có liên quan, Trần Ngọc D sử dụng điện thoại, số thuê bao 0975.859.192 đăng ký tài khoản Zalo nhắn tin cho Trần Thị Q để nhờ “làm nhanh” 12 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và thỏa thuận đưa cho Trần Thị Q mỗi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.5000.000 đồng. Quế đồng ý, hoàn thiện hồ sơ và ưu tiên in bìa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và môi trường ký, trả 12 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D. Ngày 02 tháng 6 năm 2022, Trần Ngọc D đã chuyển số tiền 42.000.000 đồng vào số tài khoản 3206205235096 của Trần Thị Q mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó có 28.000.000 đồng của 5 hộ dân để làm 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 14.000.000 đồng tiền của D để làm 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 54.000.000 đồng nhận của 05 hộ dân, D hưởng lợi 26.000.000 đồng. Số tiền 42.000.000 đồng nhận của D, Quế đã nộp ngân sách Nhà nước 3.109.840 đồng gồm: 372.000 đồng tiền lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (12 giấy x 31.000 đồng/giấy); 1.617.840 đồng tiền phí đo đạc tách thửa (hộ ông Quang và hộ ông Hiền); 1.120.000 đồng tiền phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (08 hồ sơ x 140.000 đồng/hồ sơ). Số tiền còn lại 38.890.160 đồng Quế hưởng lợi bất chính và đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng, các bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D và Vũ Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc D;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 364; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn N;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “Nhận hối lộ”;
2. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc D và Vũ Văn N phạm tội “Đưa hối lộ”;
3. Xử phạt bị cáo Trần Thị Q 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.
4. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn N; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 16-11-2023, bị cáo Trần Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Ngày 16-11-2023, bị cáo Trần Thị Q kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Đến nay các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Quế về tội “Nhận hối lộ” và bị cáo D về tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo Quế có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo sức khỏe yếu, đã nộp tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm nên đề nghị giảm cho bị cáo Quế từ 02 tháng đến 03 tháng tù. Bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đã nộp tiếp số tiền chiếm hưởng, bị cáo có nhiều hoạt động nhân đạo, có nhiều đóng góp cho xã hội do vậy có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo D được cải tạo tại địa phương; đề nghị giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 36 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trần Thị Q là nhân viên hợp đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nghĩa Hưng. Để “làm nhanh” cho các hộ dân Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022, Trần Thị Q đã nhận của Trần Ngọc D (là cán bộ địa chính, môi trường xã Phúc Thắng) 42.000.000 đồng và của Vũ Văn N (là cán bộ địa chính, môi trường xã Nghĩa Phú) 15.000.000 đồng; tổng số tiền Trần Thị Q đã nhận là 57.000.000 đồng. Quế đã chi nộp vào ngân sách nhà nước, nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc tách thửa, chi phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn lại Quế thu lợi bất chính số tiền là 51.204.460 đồng;

Trần Ngọc D đã nhận 54.000.000 đồng của 05 hộ dân để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. D nhắn tin qua tài khoản zalo cho Trần Thị Q nhờ “làm nhanh” Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và thỏa thuận đưa cho Quế 3.500.000 đồng/1 Giấy chứng nhận. D đã chuyển khoản cho Trần Thị Q 42.000.000 đồng; D hưởng lợi số tiền là 26.000.000 đồng. Số tiền 42.000.000 đồng nhận của D, Quế chi nộp vào ngân sách nhà nước, gồm: nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc tách thửa, chi phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền còn lại 38.890.160 đồng Quế sử dụng chi tiêu cá nhân.

Tháng 6/2021, Trần Thị Q đã nhận của Vũ Văn N số tiền 15.000.000 đồng để giúp “làm nhanh” Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn D ở xóm 13, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Quế chi nộp vào ngân sách nhà nước, gồm: nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc tách thửa, chi phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền còn lại 12.314.300 đồng Quế sử dụng chi tiêu cá nhân.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị Q về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Ngọc D và Vũ Văn N bị xét xử về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Trần Thị Q bị truy tố với tình tiết định khung “Phạm tội 2 lần trở lên”, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo hiện đang bị tạm giam. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng như vậy cũng là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thật sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp và tiền án phí hình sự sơ thẩm phải nộp theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối hận với hành vi sai phạm của mình; đồng thời giúp bị cáo yên tâm lao động, cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Trần Ngọc D có từ 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng nào. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù cũng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tỏ rõ thái độ thật sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, tiếp tục nộp lại hết số tiền thu lợi bất chính, bị cáo tích cực tham gia các công tác, phong trào từ thiện và được tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào hội. Đây là tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng nào; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo Trần Ngọc D được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng là phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo có kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố

tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Q, Trần Ngọc D; Sửa bản án sơ thẩm

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Thị Q phạm tội “Nhận hối lộ”

Bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Đưa hối lộ”

2. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Thị Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

3. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 364; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA; VKSND tỉnh Nam Định.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã Phúc Thắng;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.